

# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 31

# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, sau đó được điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 0302095576 vào ngày 30 tháng 11 năm 2010, và lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 vào ngày 7 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao ("B.O.T"), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

Cổ phiếu của Công ty, với mã HTI, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Công ty còn có một (1) chi nhánh tọa lạc tại Số 560A, Quốc lộ 1A, Khu phố 6, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch	
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên	
Ông Đỗ Chí Linh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên độc lập	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Lê Thùy Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quốc Đạt.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Lê Quốc Đạt  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 13689360/68468556-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

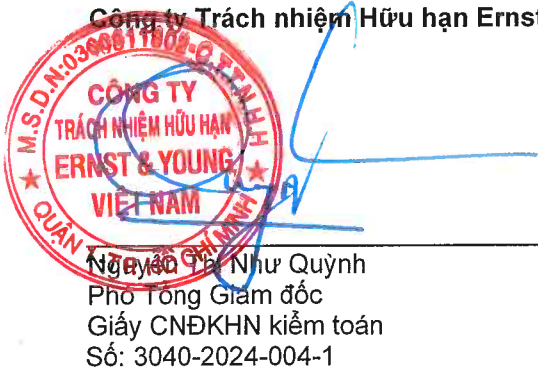
### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 11 tháng 8 năm 2023. Đồng thời, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 11 tháng 3 năm 2024.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024


VND

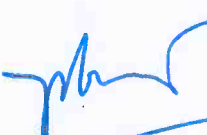
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>223.962.439.189</b>	<b>140.319.183.484</b>
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	5.080.800.735	45.390.607.914
111	1. Tiền		5.080.800.735	5.185.048.668
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	40.205.559.246
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	5	200.341.980.822	80.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		200.341.980.822	80.000.000.000
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		18.055.570.244	14.858.435.038
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	14.491.241.320	14.394.237.320
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	2.116.168.541	1.132.976.410
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6.3	2.871.396.652	754.457.577
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.4	(1.423.236.269)	(1.423.236.269)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>		484.087.388	70.140.532
141	1. Hàng tồn kho		484.087.388	70.140.532
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.217.352.016.490</b>	<b>1.252.317.087.871</b>
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		1.125.901.525.001	1.175.905.150.008
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	1.125.901.525.001	1.175.905.150.008
222	Nguyên giá		2.556.322.378.281	2.556.209.978.281
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.430.420.853.280)	(1.380.304.828.273)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		915.724.800	915.724.800
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(915.724.800)	(915.724.800)
240	<i>II. Tài sản dở dang dài hạn</i>		51.175.821.165	45.382.999.831
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	51.175.821.165	45.382.999.831
260	<i>III. Tài sản dài hạn khác</i>		40.274.670.324	31.028.938.032
262	1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	21.3	40.274.670.324	31.028.938.032
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.441.314.455.679</b>	<b>1.392.636.271.355</b>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>969.111.148.292</b>	<b>910.221.541.568</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>71.242.499.709</b>	<b>67.534.800.214</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	9.385.722.285	2.834.219.942
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		9.160.000	9.160.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	16.109.125.493	15.367.756.578
314	4. Phải trả người lao động		1.530.811.654	1.595.712.419
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		538.179.917	255.434.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	11	5.458.415.736	1.499.310.752
320	7. Vay ngắn hạn	12	36.120.000.000	-
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	13	-	45.073.245.770
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	2.091.084.624	899.960.753
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>897.868.648.583</b>	<b>842.686.741.354</b>
338	1. Vay dài hạn	12	551.060.216.383	587.180.216.383
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	13	346.808.432.200	255.506.524.971
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>472.203.307.387</b>	<b>482.414.729.787</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15.1</b>	<b>472.203.307.387</b>	<b>482.414.729.787</b>
411	1. Vốn cổ phần		249.492.000.000	249.492.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		249.492.000.000	249.492.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		164.586.458.199	164.586.458.199
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		58.124.849.188	68.336.271.588
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		26.697.927.717	11.015.475.887
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		31.426.921.471	57.320.795.701
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.441.314.455.879</b>	<b>1.292.636.271.355</b>

  
Nguyễn Thị Loan  
Người lập

  
Nguyễn Trường Vũ  
Kế toán trưởng

  
Lê Quốc Đạt  
Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


Ngày 14 tháng 8 năm 2024

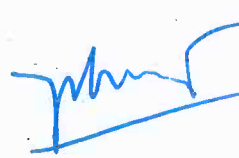


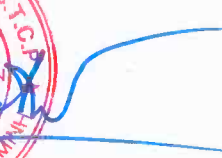
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
10	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.1	226.425.202.712	216.335.599.971
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	17	(142.231.371.082)	(118.853.897.414)
20	3. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ		84.193.831.630	97.481.702.557
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	4.208.778.237	910.441.245
22	5. Chi phí tài chính	18	(28.690.598.120)	(40.210.327.210)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(28.690.598.120)	(40.210.327.210)
25	6. Chi phí bán hàng	19	(17.716.011.262)	(19.274.166.179)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(2.647.859.620)	(2.982.679.847)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		39.348.140.865	35.924.970.566
31	9. Thu nhập khác		14.885.974	73.076.816
32	10. Chi phí khác		(4.500.000)	(116.811.532)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		10.385.974	(43.734.716)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.358.526.839	35.881.235.850
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(17.177.337.660)	(7.258.731.036)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	21.3	9.245.732.292	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		31.426.921.471	28.622.504.814
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.5	1.222	1.081
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.5	1.222	1.081

  
Nguyễn Thị Loan  
Người lập

  
Nguyễn Trường Vũ  
Kế toán trưởng

  
Lê Quốc Đạt  
Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>39.358.526.839</b>	<b>35.881.235.850</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	7	50.116.025.007	48.036.754.930
03	Dự phòng		46.228.661.459	20.000.000.000
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.208.778.237)	(910.441.245)
06	Chi phí lãi vay	18	28.690.598.120	40.210.327.210
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>160.185.033.188</b>	<b>143.217.876.745</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(1.163.795.116)	(605.758.319)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(413.946.856)	25.965.301
11	Tăng các khoản phải trả		3.018.538.853	12.223.972.693
14	Tiền lãi vay đã trả		(25.604.821.210)	(40.210.327.210)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	10	(17.831.179.723)	(14.573.168.339)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(528.500.000)	(25.900.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>117.661.329.136</b>	<b>100.052.660.871</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang		(112.400.000)	(11.026.688.379)
23	Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn		(178.742.306.846)	(30.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		58.400.326.024	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		2.175.438.147	910.441.245
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(118.278.942.675)</b>	<b>(40.116.247.134)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(29.952.000.000)
36	Cổ tức đã trả		(39.692.193.640)	(44.521.020.170)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(39.692.193.640)</b>	<b>(74.473.020.170)</b>

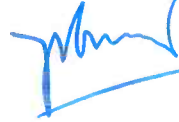
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(40.309.807.179)	(14.536.606.433)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		45.390.607.914	38.142.736.788
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	5.080.800.735	23.606.130.355



Nguyễn Thị Loan  
Người lập



Nguyễn Trường Vũ  
Kế toán trưởng



Lê Quốc Đạt  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, sau đó được điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 0302095576 vào ngày 30 tháng 11 năm 2010, và lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 7 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao ("B.O.T"), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

Cổ phiếu của Công ty, với mã HTI, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Công ty còn có một (1) chi nhánh tọa lạc tại Số 560A, Quốc lộ 1A, Khu phố 6, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 167 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 168 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền cụ dụng cụ

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc – B.O.T	(*)
Nhà cửa và vật kiến trúc - Khác	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 7 năm

(\*) Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án B.O.T An Sương - An Lạc (bao gồm các hạng mục bổ sung của Dự án) được khấu hao theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm theo tỷ lệ được quy định trong Phụ lục Hợp đồng B.O.T trong thời gian kể từ khi công trình, hạng mục công trình được đưa vào thu phí tới hết thời gian thu phí đến tháng 1 năm 2033.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

#### 3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.10 Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được thực hiện theo kế hoạch trích trước chi phí sửa chữa lớn vào chi phí hàng kỳ.

Chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.11 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

#### 3.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

#### 3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.15 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.16 Thông tin bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là thu phí sử dụng đường bộ. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	1.461.796.788	345.234.071
Tiền gửi ngân hàng	3.619.003.947	4.839.814.597
Các khoản tương đương tiền	-	40.205.559.246
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.080.800.735</b>	<b>45.390.607.914</b>

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 3,6% đến 4,9%/năm.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	7.279.292.027	7.279.292.027
Công ty TNHH TMDV và Xây dựng Thiên Vũ	4.856.467.024	4.856.467.024
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông	1.423.236.269	1.423.236.269
Khác	932.246.000	835.242.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.491.241.320</b>	<b>14.394.237.320</b>
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 6.4)	(1.423.236.269)	(1.423.236.269)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>13.068.005.051</b>	<b>12.971.001.051</b>

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho bên khác	1.913.097.278	1.132.976.410
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	737.701.800	-
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế B.R	534.729.621	534.729.621
- Khác	640.665.857	598.246.789
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 22)	203.071.263	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.116.168.541</b>	<b>1.132.976.410</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**6.3 Phải thu ngắn hạn khác**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Lãi tiền gửi	2.033.340.090	
Tạm ứng bồi thường giải phóng mặt bằng	390.000.000	390.000.000
Ký cược ký quỹ	169.766.008	149.766.008
Khác	278.290.554	214.691.569
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.871.396.652</b>	<b>754.457.577</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	2.821.396.652	704.457.577
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	50.000.000	50.000.000

**6.4 Nợ xấu**

	VND					
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>						
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông	1.423.236.269	(1.423.236.269)	-	1.423.236.269	(1.423.236.269)	-

# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc – B.O.T (*)	Nhà cửa và vật kiến trúc – Khác	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.517.130.988.064	7.936.071.296	17.951.281.124	10.432.119.998	2.759.517.799	2.556.209.978.281
Mua trong kỳ	-	-	-	-	112.400.000	112.400.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	2.517.130.988.064	7.936.071.296	17.951.281.124	10.432.119.998	2.871.917.799	2.556.322.378.281
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	778.992.059.854	4.366.244.007	8.949.404.784	4.382.936.636	1.570.936.769	798.261.582.050
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.350.758.521.640	5.596.053.110	12.978.311.080	8.916.648.998	2.055.293.445	1.380.304.828.273
Khấu hao trong kỳ	49.150.803.890	88.859.514	477.096.337	304.415.836	94.849.430	50.116.025.007
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.399.909.325.530	5.684.912.624	13.455.407.417	9.221.064.834	2.150.142.875	1.430.420.853.280
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.166.372.466.424	2.340.018.186	4.972.970.044	1.515.471.000	704.224.354	1.175.905.150.008
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.117.221.662.534	2.251.158.672	4.495.873.707	1.211.055.164	721.774.924	1.125.901.525.001

(\*) Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ Quốc lộ 1 đoạn An Suông – An Lạc (Km 1901-1915) và các quyền, lợi ích khác phát sinh gắn liền với công trình B.O.T đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dự án cầu Tân Kỳ Tân Quý (*)	34.096.120.971	34.096.120.971
Công trình Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC)	11.286.878.860	11.286.878.860
Khác	5.792.821.334	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.175.821.165</b>	<b>45.382.999.831</b>

(\*) Ngày 7 tháng 11 năm 2023, Công ty và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ký kết Thỏa thuận Số 5513/TTCDHĐ chấm dứt trước thời hạn Phụ lục hợp đồng B.O.T Số 1279/2018/PLHD-BOT ngày 11 tháng 1 năm 2018, dự án xây dựng bổ sung cầu Tân Kỳ Tân Quý. Theo đó, phần chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các chi phí liên quan khác cho Dự án cầu Tân Kỳ Tân Quý sẽ được Cơ quan nhà nước thanh toán cho Công ty.

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả cho bên khác	9.307.101.185	2.834.219.942
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ninh Giang	3.088.948.716	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phước Tường Vinh	2.125.678.840	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Biển bạc Miền Nam	979.624.528	-
- Khác	3.112.849.101	2.834.219.942
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 22)	78.621.100	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.385.722.285</b>	<b>2.834.219.942</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND				
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng		Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.146.879.762	17.177.337.660	(17.831.179.723)		13.493.037.699
Thuế giá trị gia tăng	1.061.735.835	18.115.273.288	(17.043.057.143)		2.133.951.980
Thuế thu nhập cá nhân	159.140.981	913.764.854	(590.770.021)		482.135.814
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.367.756.578</b>	<b>36.206.375.802</b>	<b>(35.465.006.887)</b>		<b>16.109.125.493</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Lãi vay	2.803.030.993	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.015.741.762	627.515.700
Cổ tức phải trả	962.372.490	735.846.130
Khác	677.270.491	135.948.922
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.458.415.736</u></b>	<b><u>1.499.310.752</u></b>

**12. VAY**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Phân loại lại Ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>		
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	-	36.120.000.000
<b>Dài hạn</b>		
Vay ngân hàng	<u>587.180.216.383</u>	<u>(36.120.000.000)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>587.180.216.383</u></b>	<b><u>-</u></b>

Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích đầu tư các dự án B.O.T. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	<u>587.180.216.383</u>	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2025 đến ngày 31 tháng 3 năm 2032	Từ 9,0 đến 12,5	Quyền, lợi ích phát sinh từ việc thu phí giao thông trên toàn bộ Quốc lộ 1 đoạn An Sương – An Lạc (Km 1901-1915) gắn liền với công trình B.O.T

Trong đó:

Vay dài hạn	551.060.216.383
Vay dài hạn đến hạn trả	36.120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Dự phòng phải trả thể hiện các khoản dự phòng phải trả liên quan đến các chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn căn cứ vào ước tính của Công ty dựa trên các phụ lục Hợp đồng B.O.T thuộc các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương – An Lạc.

**14. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	899.960.753	620.939.732
Trích lập quỹ trong kỳ ( <i>Thuyết minh số 15.1</i> )	1.719.623.871	1.658.465.463
Sử dụng quỹ trong kỳ	(528.500.000)	(25.900.000)
Số cuối kỳ	<u>2.091.084.624</u>	<u>2.253.505.195</u>

# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 15.1 *Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022.	249.492.000.000	164.586.458.199	32.633.301.350	446.711.759.549
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	28.622.504.814	28.622.504.814
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.658.465.463)	(1.658.465.463)
Cổ tức công bố	-	-	(19.959.360.000)	(19.959.360.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	249.492.000.000	164.586.458.199	39.637.980.701	453.716.438.900
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	249.492.000.000	164.586.458.199	68.336.271.588	482.414.729.787
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	31.426.921.471	31.426.921.471
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.719.623.871)	(1.719.623.871)
Cổ tức công bố (*)	-	-	(39.918.720.000)	(39.918.720.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	249.492.000.000	164.586.458.199	58.124.849.188	472.203.307.387

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức bằng tiền mặt và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**15.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>249.492.000.000</u>	<u>249.492.000.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	39.918.720.000	44.908.560.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	39.692.193.640	44.521.020.170

**15.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cổ phiếu Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu được phép phát hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**15.4 Chi tiết vốn cổ phần**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty IDICO - CTCP	143.457.900.000	57.5	143.457.900.000	57.5
Các cổ đông khác	106.034.100.000	42.5	106.034.100.000	42.5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>249.492.000.000</b></u>	<u><b>100</b></u>	<u><b>249.492.000.000</b></u>	<u><b>100</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**15.5 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	31.426.921.471	28.622.504.814
Trừ: quỹ khen thưởng phúc lợi	(942.807.644)	(1.658.465.463)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	30.484.113.827	26.964.039.351
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.222	1.081
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.222	1.081

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Công ty không có giao dịch cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**16. DOANH THU**

**16.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Doanh thu từ thu cước đường bộ	226.359.202.712	216.335.599.971
Doanh thu khác	66.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>226.425.202.712</b>	<b>216.335.599.971</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. DOANH THU (tiếp theo)**

**16.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi tiền gửi	<u>4.208.778.237</u>	<u>910.441.245</u>

**17. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí khấu hao và hao mòn	49.797.017.221	47.168.989.213
Chi phí dự phòng sửa chữa vừa và sửa chữa lớn	46.228.661.459	20.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.476.390.196	38.247.270.286
Chi phí nhân viên	11.490.862.435	10.773.298.855
Chi phí khác	2.238.439.771	2.664.339.060
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>142.231.371.082</u></b>	<b><u>118.853.897.414</u></b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	<u>28.690.598.120</u>	<u>40.210.327.210</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>17.716.011.262</b>	<b>19.274.166.179</b>
Chi phí nhân viên	12.118.921.891	14.040.250.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.063.656.440	4.206.142.505
Chi phí khấu hao và hao mòn	168.999.794	661.390.989
Chi phí khác	364.433.137	366.382.177
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>2.647.859.620</b>	<b>2.982.679.847</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.014.021.954	918.757.313
Chi phí nhân viên	575.558.884	754.216.144
Chi phí khấu hao và hao mòn	150.007.992	206.374.728
Chi phí khác	908.270.790	1.103.331.662
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.363.870.882</u></b>	<b><u>22.256.846.026</u></b>

**20. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí khấu hao và hao mòn	50.116.025.007	48.036.754.930
Chi phí dự phòng sửa chữa vừa và sửa chữa lớn	46.228.661.459	20.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.554.068.590	43.372.170.104
Chi phí nhân viên	24.185.343.210	25.567.765.507
Chi phí khác	3.511.143.698	4.134.052.899
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>162.595.241.964</u></b>	<b><u>141.110.743.440</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% của thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**21.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thuế TNDN hiện hành	17.177.337.660	7.198.509.476
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	60.221.560
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(9.245.732.292)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.931.605.368</u></b>	<b><u>7.258.731.036</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>39.358.526.839</u></b>	<b><u>35.881.235.850</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	7.871.705.368	7.176.247.170
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	59.900.000	22.262.306
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	60.221.560
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b><u>7.931.605.368</u></b>	<b><u>7.258.731.036</u></b>

**21.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm tài chính khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**21.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và các biến động trong kỳ như sau:

	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán	
			sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	
Dự phòng sửa chữa vừa và sửa chữa lớn	40.737.584.515	31.491.852.223	9.245.732.292	-	
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>40.737.584.515</b>	<b>31.491.852.223</b>			
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>9.245.732.292</b>	-	

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty IDICO – CTCP (“IDICO”)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (“IDICO-CONAC”)	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO (“IDICO-INCON”)	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO (“IDICO-LINCO”)	Cùng công ty mẹ
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị (“HĐQT”)
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Ông Đỗ Chí Linh	Thành viên HĐQT từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT đến ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Độc lập HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Lê Thùy Trang	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Văn Dân	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024
	Phó Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày  
 Ông Đoàn Văn Hùng

Phó Giám đốc

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trọng kỳ như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
IDICO	Cổ tức đã chia	22.953.264.000	11.476.632.000
IDICO-CONAC	Cổ tức đã chia	1.708.160.000	854.080.000
IDICO-INCON	Dịch vụ giám sát thi công	727.973.145	413.831.029

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>			
IDICO-INCON	Dịch vụ giám sát thi công	<u>203.071.263</u>	<u>-</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
IDICO-LINCO	Hợp tác đầu tư	<u>50.000.000</u>	<u>50.000.000</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
IDICO-INCON	Dịch vụ giám sát thi công	<u>78.621.100</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được trình bày như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc</b>			
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	53.000.000	54.888.888
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	499.572.222	474.533.333
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	415.750.000	417.528.788
Ông Đỗ Chí Linh	Thành viên HĐQT từ ngày 25 tháng 4 năm 2024	8.000.000	-
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	28.000.000	37.333.333
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	36.000.000	37.333.333
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	402.772.222	380.550.000
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	380.400.000	380.300.000
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024	8.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024	276.250.000	363.300.000
Bà Lê Thùy Trang	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024	6.000.000	-
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024	6.000.000	-
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024	27.500.000	28.555.556
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024	27.500.000	28.555.556
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.174.744.444</b>	<b>2.202.878.787</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**


***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản phải thu tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
		VND
Đến 1 năm	<u>66.000.000</u>	<u>112.000.000</u>

**24. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

  
 \_\_\_\_\_  
 Nguyễn Thị Loan  
 Người lập

  
 \_\_\_\_\_  
 Nguyễn Trường Vũ  
 Kế toán trưởng

  
 \_\_\_\_\_  
 Lê Quốc Đạt  
 Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

